

TÒA ÁN NHÂN DÂN H. HÒA VANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **08/2022/DSST**

Ngày 11/03/2022

Vv “*Tranh chấp hợp
đồng đặt cọc*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyền

Ông Tân Nghị

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký TAND huyện Hòa Vang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: ông
Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11/03/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố
Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2021/TLST-DS ngày 06 tháng
10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 20/01/2022; Quyết định số 13/2022/QĐST-
DS ngày 18/02/2022, giữa:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Châu Thị Hà T**, sinh năm 1981; Địa chỉ: 07 Đô Đốc
Tuyệt, phường H, quận C, thành phố Đ. Có mặt

* ***Bị đơn:*** Ông **Lê Đình Tr**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Q 2, xã H, huyện H,
thành phố Đ. Vắng mặt

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Vân**; Địa
chỉ: Thôn Q 2, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn – bà Châu
Thị Hà T trình bày:*

Đầu năm 2020, ông Lê Đình Tr có rao bán lô đất có diện tích 120m², thuộc
thửa đất số 31, tờ bản đồ số 10, tại xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà
Nẵng. Vì kinh tế khó khăn và cả gia đình đang sinh sống tại ngôi nhà thuê cấp 04
tạm bợ, đơn sơ nên qua giới thiệu, tìm hiểu tôi đã đồng ý mua lô đất đó với số tiền
640.000.000 đồng. Ngày 18/2/2020 tôi đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng để mua lô
đất nói trên. Ông Tr đã viết giấy nhận cọc và hẹn 60 ngày (ngày 18/4/2020) sẽ ra sổ
và sang tên cho tôi, nếu không đúng hẹn sẽ đền cọc gấp đôi. Ngày 26/4/2020 ông Tr
xin được viết giấy gia hạn thêm 2 tháng (tức đến ngày 26/6/2020) để hoàn tất việc

ra sổ đỏ thửa đất vì dịch covid bùng phát lần 1 tại Việt Nam. Ngày 12/9/2020 sau thời gian chờ đợi, đốc thúc ông Tr trình bày đủ lý do giấy tờ sắp xong vì dịch covid lần 2 tại Đà Nẵng nên thủ tục hành chính bị chậm trễ nên ông Tr xin thêm thời gian 2 tuần (đến ngày 30/9/2020) chắc chắn sẽ ra công chứng lô đất cho tôi. Nhưng đến ngày 30/9/2020 ông Tr xin hẹn đến ngày 10/10/2020 sẽ có sổ chắc chắn nếu không xin được đền cọc 100.000.000 đồng. Lần này có vợ ông Tr là bà V đồng lòng xin tôi gia hạn thêm. Qua tìm hiểu tôi được biết Lô đất tôi đặt cọc để mua, ông Lê Đình Tr đã rao bán và nhận cọc từ nhiều người khác. Đến ngày 10/10/2020 ông Tr tiếp tục xin cuộc hẹn khác nhưng tôi đã cương quyết từ chối mua lô đất, yêu cầu vợ chồng ông Tr trả lại tiền cho tôi. Nhưng đến nay tôi vẫn chưa nhận được đồng nào từ vợ chồng ông Tr. Vì ông Lê Đình Tr không thực hiện theo đúng thỏa thuận mua bán và đặt cọc đất nên yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đình Tr phải có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và số tiền phạt cọc là 50.000.000 đồng. Tổng cộng ông Tr phải trả cho tôi là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn – ông Lê Đình Tr trình bày:*

Vào tháng 02/2019 tôi có mua của ông Trần T1 03 lô đất để tự đi làm sổ đỏ. Trong thời gian tôi làm sổ đỏ, tôi có gặp bà T do có người giới thiệu cho tôi mua 01 lô đất của tôi mua và tôi có dẫn bà T đi xem đất và gặp ông T1 chủ đất tôi đang mua. Bà T đã thống nhất thỏa thuận đồng ý mua và đặt cọc cho tôi 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Do thời gian làm sổ lâu quá nên bà T yêu cầu tôi trả tiền cọc và phạt cọc. Tôi đã đề nghị bà T bình tĩnh và tôi hứa sẽ làm sổ ra bán lại cho bà T và tôi giảm cho bà T số tiền là 50.000.000 đồng. Mới đầu bà T đồng ý sau đó không đồng ý nữa và đòi đền cọc. Tôi cũng đã viết giấy cam kết sẽ trả lại cho chị T 100.000.000 đồng khi tôi bán lại đất hoặc làm xong sổ sẽ bán lấy tiền trả lại cho chị T. Vì tôi mua nhưng do làm hồ sơ đất đó bị một người khác đã mua của ông T1 01 lô đất nhưng thiếu đất do mở đường nên ông ta yêu cầu ông T1 phải cắm mốc đủ đất cho họ thì họ mới ký tứ cận cho tôi làm sổ. Hiện tại lô đất đang tranh chấp giữa ông ta với gia đình ông T1 đang được Tòa án huyện Hòa Vang thụ lý đã gần một năm nhưng chưa có kết quả vì do dịch bệnh hay vấn đề cá nhân gì đó tôi không rõ. Hiện tại sổ đất gốc của nhà ông T1 tôi đang giữ. Sau đó bà T có hành vi vu khống tôi lừa đảo, đã gửi đơn đến Công an huyện Hòa Vang thụ lý và giải quyết nhưng không có cơ sở. Nay, bà Châu Thị Hà T khởi kiện đòi tiền cọc 50.000.000 đồng và phạt cọc 50.000.000 đồng thì tôi chấp nhận trả lại tiền cọc 50.000.000 đồng và không đồng ý phạt cọc 50.000.000 đồng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim V trong quá trình tố tụng, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có bản tự khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thị Hà T rút 01 phần yêu cầu khởi kiện phạt cọc đối với ông Lê Đình Tr số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Đình Tr và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim V vắng mặt lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 117, 122, 131, 164, 166, 328 BLDS và các Điều 217, 243, 244 BLTTDS: Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu phạt cọc của bà Châu Thị Hà T đối với ông Lê Đình Tr số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc” của bà Châu Thị Hà T đối với ông Lê Đình Tr. Buộc ông Lê Đình Tr phải trả cho bà Châu Thị Hà T số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Án phí DSST ông Lê Đình Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Châu Thị Hà T nộp tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đối với bị đơn ông Lê Đình Tr; Địa chỉ: Thôn Quá Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Đầu năm 2020, ông Lê Đình Tr có rao bán lô đất có diện tích 120m², thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 10, tại xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Qua sự giới thiệu, tìm hiểu bà Châu Thị Hà T đã thỏa thuận đồng ý mua lô đất trên với số tiền 640.000.000 đồng. Ngày 18/2/2020 bà T đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng để mua lô đất nói trên. Ông Tr đã viết giấy nhận cọc và hẹn 60 ngày (ngày 18/4/2020) sẽ ra sổ và sang tên cho bà T, nếu không đúng hẹn sẽ đền cọc gấp đôi cho bà T. Ngày 26/4/2020 ông Tr xin được viết giấy gia hạn thêm 02 tháng (tức đến ngày 26/6/2020) để hoàn tất việc ra sổ đỏ thửa đất vì dịch bệnh Covid bùng phát lần 1 tại Việt Nam. Ngày 12/9/2020 sau thời gian chờ đợi, đốc thúc như đã hứa hẹn nhưng ông Tr trình bày đủ lý do giấy tờ sắp xong vì dịch Covid lần 2 tại Đà Nẵng nên thủ tục hành chính bị chậm trễ nên ông Tr xin thêm thời gian 02 tuần (đến ngày 30/9/2020) chắc chắn sẽ ra công chứng lô đất cho bà T. Đến ngày 30/9/2020 ông Trung xin hẹn đến ngày 10/10/2020 sẽ có sổ chắc chắn nếu không xin được đền cọc 100.000.000 đồng. Lần này có vợ ông Tr là bà V đồng lòng xin bà T gia hạn thêm. Qua tìm hiểu bà T được biết lô đất bà T đặt cọc để mua,

ông Lê Đình Tr đã rao bán và nhận cọc từ nhiều người khác. Đến ngày 10/10/2020 ông Tr tiếp tục xin hẹn nhưng bà T đã từ chối mua lô đất và yêu cầu vợ chồng ông Tr trả lại tiền cọc. Vì ông Lê Đình Tr không thực hiện theo đúng thỏa thuận mua bán và đặt cọc đất nên bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Đình Tr phải có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Châu Thị Hà T rút yêu cầu phạt cọc số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 18/2/2020 thông qua sự quen biết và giới thiệu của người khác nên ông Lê Đình Tr giới thiệu có lô đất cần bán (chuyển nhượng) trị giá 640.000.000 đồng, do đó bà Châu Thị Hà T đã tin tưởng đặt cọc cho ông Tr số tiền 50.000.000 đồng để mua lô đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 10, tại xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đứng tên sở hữu của ông Trần T1. Hai bên đã thống nhất thỏa thuận bằng hợp đồng mua bán đất và nhận tiền cọc viết tay và kể từ ngày nhận tiền đặt cọc 18/4/2020 là hoàn toàn tự nguyện. Hai bên thỏa thuận ông Lê Đình Tr có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng lô đất nói trên công chứng sang tên cho bà Châu Thị Hà T tại phòng công chứng trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận cọc và nhận số tiền còn lại 590.000.000 đồng, nếu bên mua là bà Châu Thị Hà T không mua thì mất tiền đặt cọc, còn bên bán là ông Lê Đình Tr không bán thì trả lại bên mua là bà T 02 lần số tiền đã đặt cọc. Tuy nhiên từ khi nhận tiền đặt cọc và cam kết theo giấy chứng nhận tiền đặt cọc cho đến nay đã lâu nhưng ông Tr đã không có thiện chí làm thủ tục chuyển nhượng mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Tr thực hiện như đã thỏa thuận nhưng vẫn cố tình kéo dài cho đến nay ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

Theo biên bản xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án tại Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì tại thời điểm ngày 18/4/2020 thửa đất số thửa số 31, tờ bản đồ số 10, tại xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đứng tên sở hữu của ông Trần T1. Vì vậy, bà Châu Thị Hà T đề nghị Tòa án buộc ông Lê Đình Tr phải trả lại số tiền đã đặt cọc 50.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán nhà đất và giấy nhận tiền cọc vào ngày 18/4/2020 và không yêu cầu tính lãi. Đồng thời rút 01 phần yêu cầu khởi kiện phạt cọc đối với ông Lê Đình Tr.

Đối với bị đơn ông Lê Đình Tr mặc dù tại phiên tòa vắng mặt, tuy nhiên theo bản tự khai và biên bản hòa giải thì ông Tr xác nhận có viết giấy nhận của bà Châu Thị Hà T 50.000.000 đồng tiền đặt cọc theo giấy nhận tiền ngày 18/4/2020 để bán thửa đất số thửa số 31, tờ bản đồ số 10, tại xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đứng tên sở hữu của ông Trần T1. Nay bà Châu Thị Hà T khởi kiện yêu cầu ông phải trả lại 50.000.000 đồng tiền đặt cọc và phạt cọc 50.000.000 đồng thì ông đồng ý trả lại 50.000.000 đồng tiền đặt cọc.

Do đó HĐXX thấy yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Hà T hoàn toàn chính đáng, phù hợp và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Hà T buộc ông Lê Đình Tr phải trả lại cho bà Châu Thị Hà T số tiền đã nhận cọc là 50.000.000 đồng. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu phạt cọc đối với ông Lê Đình Tr số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Đình Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 122, 131, 164, 166 và Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, 157, 217, 227; 228; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông của bà Châu Thị Hà T đối với ông Lê Đình Tr về yêu cầu phạt cọc. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” của bà Châu Thị Hà T đối với ông Lê Đình Tr.

Xử: Buộc ông Lê Đình Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị Hà T số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) ông Lê Đình Tr phải chịu. Hoàn trả cho bà Châu Thị Hà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng, theo biên lai thu số 0004009 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng bà Châu Thị Hà T đã nộp và đã chi, mỗi bên chịu ½. Vì vậy ông Lê Đình Tr có nghĩa vụ trả lại cho bà Châu Thị Hà T số tiền 1.500.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- VKSND h. Hòa Vang;
- THADS h. Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 5 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Quảng

Bà Lê Thị Phước Oanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST- DS ngày 23/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Lý, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số 66 đường Thành Thái, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Trung, sinh năm: 1958; Địa chỉ: K58/5E đường Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn Đô, sinh năm: 1973 và bà Lê Thị Phượng, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: Thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Đô có mặt, bà Phượng vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng xét xử:

- Ông Lê Đình Quảng: Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm Lý đối với ông Lê Văn Đô và bà Lê Thị Phụng.

- Bà Lê Thị Phước Oanh: Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm Lý đối với ông Lê Văn Đô và bà Lê Thị Phụng.

- Ông Vũ Hồng Hải: Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm Lý đối với ông Lê Văn Đô và bà Lê Thị Phụng.

Sau khi thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử đều thống nhất biểu quyết 3/3 và quyết định các nội dung sau:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm Lý đối với ông Lê Văn Đô và bà Lê Thị Phụng.

Tuyên xử: Buộc ông Lê Văn Đô và bà Lê Thị Phụng phải trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm Lý số tiền 270.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm 13.500.000, ông Lê Văn Đô phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm Lý số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.158.750 đồng, theo biên lai thu số 0002094 ngày 23/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm Lý số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.591.250 đồng, theo biên lai thu số 0002093 ngày 23/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 14 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA